| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỎ CÀY BẮC**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – LQ2 phúc** |

Bản án số: 73/2019/DS-ST
Ngày 25/10/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Lăng

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Vi Quốc Thanh

Ông Đoàn Văn Lắm

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc:*** Ông Lê Xuân Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 183/2019/TLST - DS ngày 05 tháng 7 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXXST – DS ngày 23/9/2019. Giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Trần Hoàng H, sinh năm 1995; Nơi cư trú: ấp GK, xã HK, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

***Bị đơn:*** Bạch Ngọc N, sinh năm 1978; Nơi cư trú: ấp CM, xã TN, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Giang Thị Thanh LQ1, sinh năm 1971; Nơi cư trú: ấp TH, xã TA, huyện M, tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt)

2. Nguyễn Thị Tuyết LQ2, sinh năm 1985; Nơi cư trú: ấp PT, xã PM, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; Địa chỉ liên hệ: ấp TH, xã TA, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn Trần Hoàng H trình bày:* anh H có cho anh Bạch Ngọc N vay số tiền 140.000.000 đồng. Cụ thể:

- Ngày 24/9/2018 anh H cho anh N vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 4%/tháng.

- Ngày 25/10/2018, anh H cho anh N vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất 4%/tháng. Theo đơn khởi kiện anh H ghi nhầm ngày cho vay là ngày 25/12/2018.

- Ngày 16/11/2018, anh N vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất 4%/tháng.

- Ngày 29/11/2018 anh N vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 4%/tháng.

Các lần anh N vay tiền vào ngày 24/9/2018, 25/10/2018 và 16/11/2018, khi giao tiền anh H đều yêu cầu anh N viết biên nhận. Địa điểm hai bên giao tiền và viết biên nhận là tại tiệm tạp hóa của chị Giang Thị Thanh LQ1 vì giữa anh H, anh N và chị LQ1 là bạn bè. Riêng lần cho anh N vay tiền vào ngày 29/11/2018 thì anh H không yêu cầu anh N viết biên nhận. Từ khi vay đến nay, anh N không trả lãi cũng không trả nợ gốc cho anh H mặc dù anh H nhiều lần yêu cầu anh N phải thực hiện nghĩa vụ. Trong đơn khởi kiện, anh H yêu cầu anh N trả cho anh số tiền 140.000.000 đồng tiền nợ gốc cùng tiền lãi phát sinh nhưng đối với số tiền 10.000.000 đồng anh H cho anh N vay vào ngày 29/11/2018 không có biên nhận và anh N cũng không thừa nhận nên anh H xin rút lại yêu cầu đối với khoản tiền này cũng như rút lại các yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu anh N trả số tiền 130.000.000 đồng mà không yêu cầu vợ anh N cùng trả nợ.

Đối với lời trình bày của anh N cho rằng anh H yêu cầu chị LQ2 viết lại biên nhận nợ anh H trong đó có khoản nợ 100.000.000 đồng mà anh N viết biên nhận là không đúng, chị LQ2 nợ anh H những khoản nợ khác, anh N nợ anh H là khoản nợ khác, không liên quan với nhau.

*Quá trình giải quyết vụ án, anh Bạch Ngọc N trình bày:*

Đối với số tiền 100.000.000 đồng mà anh H cho rằng đã cho anh N vay vào ngày 24/9/2018 là anh chỉ bảo lãnh cho chị Nguyễn Thị Tuyết LQ2, để anh H cho chị LQ2 vay, anh không trực tiếp nhận tiền. Để thực hiện việc bảo lãnh, anh N đã viết biên nhận có nội dung "Tôi tên Bạch Ngọc N sinh 24/9/1978 có mượn của A. Trần Hoàng H với số tiền là 100 tr (một trăm triệu đồng)" sau đó viết "người mượn", ký và viết họ tên. Việc thỏa thuận vay tiền giữa anh H và chị LQ2 như thế nào anh N không biết, chỉ sau khi chị LQ2 nhận tiền của anh H thì ngày 24/9/2018

anh có viết biên nhận như trên giao cho chị Giang Thị Thanh LQ1. Việc anh N bảo lãnh cho chị LQ2 vay tiền thì giữa anh N và chị LQ2 không có thỏa thuận. Chỉ khi chị LQ2 đến gặp anh H vay tiền thì anh H điện thoại kêu anh N bảo lãnh cho chị LQ2 thì anh đồng ý bảo lãnh. Mặc dù anh đã viết biên nhận thể hiện anh nợ anh H nhưng anh H lại yêu cầu chị LQ2 tiếp tục viết biên nhận thể hiện chị LQ2 nợ khoản tiền 100.000.000 đồng của anh H nên anh H không đồng ý trả.

Đối với khoản tiền 20.000.000 đồng anh H cho rằng anh N đã vay thì anh N không đồng ý. Mặc dù anh N có viết biên nhận có nội dung "Tôi tên Bạch Ngọc N sinh 1978 CMND: 320916136 có mượn của Trần Hoàng H số tiền 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng) sau hai tháng trả lại. Ngày 16/11/2018" sau đó ký và ghi họ tên. Tuy nhiên, anh H không giao cho anh số tiền này, anh có yêu cầu anh H trả lại biên nhận nhưng anh H không trả. Nay anh H yêu cầu anh trả số tiền này thì anh không đồng ý.

Đối với khoản vay ngày 25/10/2018 thì anh N thừa nhận có vay của anh H 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 8%/tháng và anh N đã đóng lãi 03 tháng với số tiền 2.400.000 đồng. Khoản vay này anh có viết biên nhận cho anh anh H và số tiền nợ gốc anh đã trả cho anh H bằng cách giao 10.000.000 đồng cho chị Giang Thị Thanh LQ1. Ngoài 03 biên nhận đã viết mà anh H đang quản lý thì anh N không còn viết biên nhận nào khác cho anh H và việc anh N viết biên nhận là tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Đối với lời trình bày của chị LQ1 cho rằng anh chỉ giao cho chị LQ1 5.000.000 đồng mà không phải là 10.000.000 đồng và 2.400.000 đồng tiền lãi là không đúng. Theo anh N, vì tin tưởng nên anh đã giao tiền cho chị LQ1 mà không yêu cầu chị LQ1 viết biên nhận và anh không khởi kiện chị LQ1 để đòi lại tiền trong vụ án này.

*Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tuyết LQ2 trình bày:* Chị LQ2 và anh Bạch Ngọc N trước đây cùng làm việc tại lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, chị LQ2 là cấp trên trực tiếp, anh N là đại lý cấp dưới của chị LQ2. Sự việc anh Bạch Ngọc N có vay tiền của anh Trần Hoàng H hay không thì chị LQ2 không được rõ. Giữa chị và anh Trần Hoàng H cũng có những mối quan hệ công việc nhưng đây là mối quan hệ tách biệt, không liên quan gì đến anh Bạch Ngọc N. Về lời trình bày của anh N cho rằng anh N viết biên nhận thể hiện có mượn anh H 100.000.000 đồng là để bảo lãnh cho chị LQ2 vay của anh H 100.000.000 đồng là không đúng sự thật. Chị LQ2 hoàn toàn không vay mượn gì của anh N và cũng không yêu cầu anh N đứng ra bảo lãnh gì cho chị. Chị LQ2 xác định lời trình bày của anh N cho rằng chị là người trực tiếp nhận số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận mà anh N đã viết là không có căn cứ.

*Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Giang Thị Thanh LQ1 trình bày:* Việc anh Bạch Ngọc N vay tiền của anh Trần Hoàng H thì chị có biết vì cả hai thương lượng, giao tiền và viết biên nhận tại nhà của chị. Tuy nhiên, số tiền anh N vay của anh H bao nhiêu thì chị LQ1 không được rõ vì đây là quan hệ vay mượn giữa hai anh. Sau đó chị có nghe nói là anh N vay của anh H 140.000.000 đồng.

Đối với lời trình bày của anh N cho rằng anh N viết biên nhận thể hiện mượn tiền của anh H rồi anh N giao biên nhận cho chị LQ1 là không chính xác, chị LQ1 không nhận biên nhận nào từ anh N. Việc vay mượn giữa các bên thì các bên tự giao tiền và viết biên nhận cho nhau.

Đối với lời trình bày của anh N cho rằng anh N có đưa cho chị 10.000.000 đồng và 2.400.000 đồng tiền lãi để N chị đưa giúp cho H là không đúng. Chị chỉ nhận từ anh N 5.000.000 đồng nhưng đây là số tiền anh N trả tiền anh N nợ chị vì trước đây anh N có vay của chị 10.000.000 đồng và nợ chị 1.800.000 đồng tiền mua quà tết chưa trả. Nếu anh N trả tiền cho anh H thì anh N phải tận tay đưa cho anh H, chị không có nghĩa vụ nhận tiền từ anh N rồi giao lại cho anh H.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng, các đương sự đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn còn chưa chấp hành tốt các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 463; 464; 466; 468 Bộ luật Dân sự 2015, buộc anh Bạch Ngọc N trả cho anh Trần Hoàng H số tiền 130.000.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án dân sự về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

[1] Xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tuyết LQ2 và Giang Thị Thanh LQ1 đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn Bạch Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hoàng H yêu cầu anh N trả cho anh số tiền 130.000.000 đồng anh N đã vay thấy rằng:

Đối với khoản tiền 100.000.000 đồng anh H cho rằng đã cho anh N vay vào ngày 24/9/2018 thấy rằng, anh N thừa nhận anh có viết biên nhận có nội dung anh có mượn của anh Trần Hoàng H số tiền 100.000.000 đồng. Anh N cho rằng anh chỉ bảo lãnh cho chị LQ2 để chị LQ2 được vay tiền từ anh H nhưng anh không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Cả anh H và chị LQ2 đều không thừa nhận việc anh N viết biên nhận thể hiện có mượn anh H 100.000.000 đồng là để bảo lãnh cho chị LQ2 được vay tiền. Tòa án đã ra thông báo cho anh N biết được nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc anh viết biên nhận thể hiện có mượn tiền của anh H tổng cộng 130.000.000 đồng nhưng anh chỉ nhận được 10.000.000 đồng nhưng anh không cung cấp được. Từ nội dung trên giấy viết tay anh N đã viết, thể hiện anh N ”có mượn” của anh H số tiền 100.000.000 đồng sau đó ghi ”người mượn” ký và viết họ tên nên có căn cứ xác định anh N có vay của anh H số tiền 100.000.000 đồng theo lời trình bày của anh H và giấy viết tay do anh N viết ra.

Đối với khoản tiền 10.000.000 đồng mà anh H cho rằng anh N đã vay vào ngày 25/10/2018, thì anh N thừa nhận anh đã nhận tiền và tự nguyện viết dòng chữ có nội dung “tôi tên Bạch Ngọc N sinh ngày 24/09/1978 có mượn của anh Trần Hoàng H với số tiền là 10 tr (mười triệu chẵn) đến ngày 25/12/2018 trả lại”. Do đó, có cơ sở xác định vào ngày 25/10/2018 anh N có vay của anh H số tiền 10.000.000 đồng. Anh N cho rằng anh đã phải trả 3 tháng tiền lãi của số tiền này là 2.400.000 đồng và trả tất nợ gốc cho anh H bằng cách giao tiền cho chị Giang Thị Thanh LQ1 nhưng anh N không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án, chị LQ1 thừa nhận chị có nhận được số tiền 5.000.000 đồng từ anh N nhưng đây là số tiền anh N trả cho chị vì anh N có nợ chị 10.000.000 đồng tiền vay và 1.800.000 đồng tiền mua quà tết và chị không có nghĩa vụ phải nhận tiền từ anh N để đưa cho anh H. Xét thấy anh N không cung cấp được chứng cứ chứng minh anh có trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho anh H nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh N phải trả cho anh số tiền 10.000.000 đồng đã vay vào ngày 25/10/2018 là có cơ sở. Về quan hệ vay tài sản và mua bán tài sản giữa anh N và chị LQ1 nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Đối với khoản tiền 20.000.000 đồng anh H cho rằng anh N đã vay của anh vào ngày 16/11/2018 thấy rằng, anh H xác định ngay sau khi anh H giao tiền cho anh N thì anh N tự nguyện viết nội dung “Tôi tên Bạch Ngọc N sinh 1978 CMND: 320916136 có mượn của Trần Hoàng H số tiền 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng) sau hai tháng trả lại. Ngày 16/11/2018” sau đó ký và ghi họ tên. Thấy rằng anh N đã xác định anh “có mượn” của anh H và anh N cũng xác định thời điểm anh cam kết trả nợ là sau hai tháng. Tòa án đã ra thông báo cho anh N cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình nhưng anh N không cung cấp được. Do đó,

có cơ sở xác định vào ngày 16/11/2018 anh N có vay của anh H số tiền 20.000.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, anh Bạch Ngọc N nhiều lần vay tài sản của anh Trần Hoàng H với thời hạn vay của từng lần là 01 tháng (đối với khoản vay 100.000.000 đồng) và 02 tháng (đối với khoản vay 20.000.000 đồng và 10.000.000 đồng) nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi và trả nợ gốc khi đến hạn là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của anh H nên cần buộc anh N phải trả cho anh H 130.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện.

Theo đơn khởi kiện, anh Trần Hoàng H yêu cầu anh Bạch Ngọc N trả 140.000.000 đồng nợ gốc và 46.000.000 đồng tiền lãi nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 10.000.000 đồng không có biên nhận và 46.000.000 đồng tiền lãi, chỉ yêu cầu anh N trả 130.000.000 đồng nợ gốc. Do đó, cần căn cứ vào Điều 217 và 218 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Anh Bạch Ngọc N là người phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí là 6.500.000 đồng. Hoàn trả cho anh Trần Hoàng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 463; 464; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 217; 218; 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hoàng H.

Buộc anh Bạch Ngọc N phải hoàn trả cho anh Trần Hoàng H số tiền đã vay là 130.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc anh Bạch Ngọc N phải trả cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng nợ gốc và 46.000.000 đồng tiền lãi.

[2] Buộc anh Bạch Ngọc N phải nộp 6.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Trần Hoàng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000 đồng theo biên lai thu số 0002807 ngày 27/3/2019 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Chi Cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (4b);
- Lưu HS, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Lăng**